

BÀI 7: QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT VÀ MỘT SỐ CHẾ ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN CHẤP HÀNH HÌNH PHẠT, XÓA ÁN TÍCH

ThS. Lưu Hải Yến

Giảng viên Trường Đại học Luật Hà Nội

Tình huống khởi động bài

M (30 tuổi) bị Tòa án tuyên phạt 15 năm tù về tội cướp tài sản. Chấp hành án được 3 năm, M lại bị Tòa án đưa ra xét xử về tội giết người mà M đã thực hiện trước khi có bản án về tội cướp tài sản và bị tuyên phạt 20 năm tù.

- a. Hãy tổng hợp hình phạt cho M
- b. Giả sử tội giết người là tội phạm mà M thực hiện khi đang chấp hành được 3 năm tù của bản án về tội cướp tài sản thì hình phạt tổng hợp cho M trong trường hợp này là bao nhiêu?

Mục tiêu bài học

- Nắm được các căn cứ quyết định hình phạt và quy định của Bộ luật Hình sự về quyết định hình phạt đối với người phạm tội trong một số trường hợp cụ thể. Trình bày được các quy định về quyết định hình phạt đối với pháp nhân thương mại.
- Trình bày được các quy định của Bộ luật Hình sự về một số chế định liên quan đến chấp hành hình phạt.
- Trình bày được khái niệm xóa án tích, ý nghĩa của việc xóa án tích và các quy định của Bộ luật Hình sự về các trường hợp xóa án tích cùng cách tính thời hạn xóa án tích.

Cấu trúc nội dung

7.1

Quyết định hình phạt

7.2

Một số chế định liên quan đến chấp hành hình phạt

7.3

Xóa án tích

7.1. Quyết định hình phạt

7.1.1

Khái niệm quyết định hình phạt

7.1.2

Quyết định hình phạt đối với người phạm tội

7.1.3

Quyết định hình phạt đối với pháp nhân thương mại

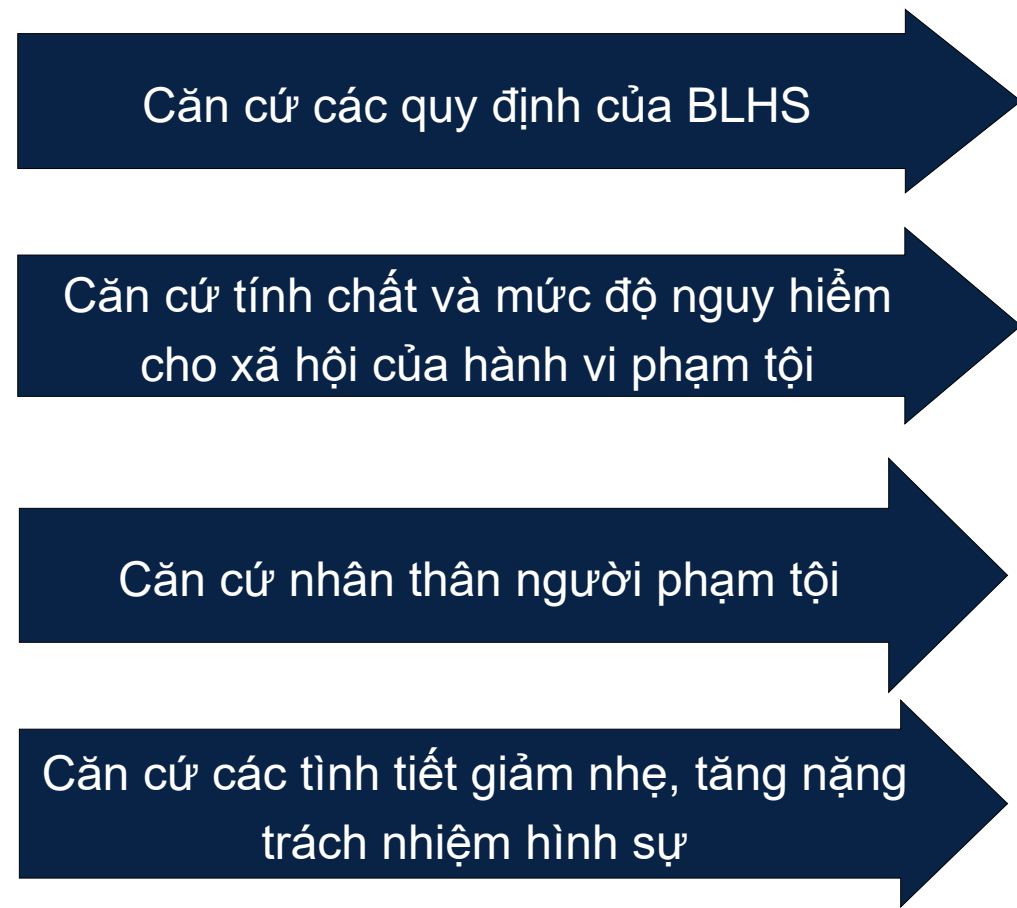
7.1.4

Miễn hình phạt

7.1.1. Khái niệm quyết định hình phạt

- Là việc Tòa án lựa chọn loại hình phạt và xác định mức hình phạt cụ thể trong phạm vi luật định để áp dụng đối với chủ thể phải chịu TNHS.
- Là một giai đoạn rất quan trọng trong hoạt động xét xử của Tòa án.
- Quyết định hình phạt có căn cứ, đúng pháp luật, công bằng là tiền đề, điều kiện để đạt được mục đích của hình phạt.
- Quyết định hình phạt đúng còn góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh phòng và chống tội phạm, bảo vệ và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa và trật tự pháp luật.

7.1.2. Quyết định hình phạt đối với người phạm tội



7.1.2. Quyết định hình phạt đối với người phạm tội (tiếp theo)

Các căn cứ quyết định hình phạt

- Căn cứ các quy định của Bộ luật Hình sự:
 - Phần chung: Nguyên tắc, cơ sở của trách nhiệm hình sự, các giai đoạn phạm tội, đồng phạm, mục đích của hình phạt, điều kiện áp dụng hình phạt, điều kiện hưởng các chế định nhân đạo,...
 - Phần riêng: Điều, khoản, chế tài cụ thể do luật quy định tương ứng với tội phạm đã được thực hiện.
- Căn cứ tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội phụ thuộc vào những yếu tố sau:
 - Tầm quan trọng của khách thể;
 - Tính chất của hành vi phạm tội, công cụ, phương tiện, phương pháp, thủ đoạn...
 - Tính chất và mức độ hậu quả xảy ra hoặc đe dọa xảy ra;
 - Hình thức, mức độ lỗi; động cơ, mục đích...

7.1.2. Quyết định hình phạt đối với người phạm tội (tiếp theo)

- Căn cứ nhân thân người phạm tội:
 - Lần đầu, lạc hậu, thành khẩn, ăn năn, lập công... hay tiền sự, tái phạm, ngoan cố, quyết tâm thực hiện tội phạm...
 - Dân tộc thiểu số, có công với cách mạng, gia đình liệt sĩ...
 - Già yếu, phụ nữ có thai, mắc bệnh hiểm nghèo, hoàn cảnh đặc biệt khó khăn...
- Căn cứ các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:
 - Điều 51 Bộ luật Hình sự: Các tình tiết giảm nhẹ TNHS.
 - Điều 52 Bộ luật Hình sự: Các tình tiết tăng nặng TNHS.

7.1.2. Quyết định hình phạt đối với người phạm tội (tiếp theo)

Quyết định hình phạt trong trường hợp đặc biệt:

- Dưới mức thấp nhất của khung hình phạt áp dụng;
- Phạm nhiều tội;
- Có nhiều bản án;
- Chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt;
- Có đồng phạm.

7.1.2. Quyết định hình phạt đối với người phạm tội (tiếp theo)

Quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng (Điều 54 Bộ luật Hình sự)

- Trường hợp 1: Tòa án có thể quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nhưng phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn khi có ít nhất 2 tình tiết giảm nhẹ thuộc Khoản 1 Điều 51.
- Trường hợp 2: Tòa án có thể quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt (không bắt buộc phải trong khung liền kề nhẹ hơn) đối với người phạm tội lần đầu là người giúp sức có vai trò không đáng kể trong đồng phạm.
- Nếu trong hai trường hợp trên, khung hình phạt được áp dụng ban đầu là khung hình phạt duy nhất hoặc nhẹ nhất, Tòa án có thể quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hoặc chuyển sang hình phạt khác nhẹ hơn.

7.1.2. Quyết định hình phạt đối với người phạm tội (tiếp theo)

Quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội

- Phạm nhiều tội là trường hợp người phạm tội bị đưa ra xét xử cùng một lần về nhiều tội phạm.
- Hai trường hợp phạm nhiều tội:
 - Người phạm tội có nhiều hành vi phạm tội khác nhau, mỗi hành vi cấu thành 1 tội phạm.
 - Người phạm tội có 1 hành vi phạm tội nhưng bản thân hành vi này cấu thành nhiều tội khác nhau.
- Điều 55 BLHS.

7.1.2. Quyết định hình phạt đối với người phạm tội (tiếp theo)

Quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội, cách tổng hợp hình phạt:

- Đối với hình phạt chính:
 - Nếu hình phạt đã tuyên cùng loại thì cộng lại thành hình phạt chung và không được vượt quá mức cao nhất của hình phạt ấy, không quá 3 năm với cải tạo không giam giữ và 30 năm với tù có thời hạn.
 - Nếu các hình phạt đã tuyên là khác loại:
 - Đối với hình phạt là cải tạo không giam giữ và tù có thời hạn, thì chuyển thành hình phạt tù theo tỷ lệ 3:1 (3 ngày cải tạo không giam giữ bằng 1 ngày tù) rồi cộng lại thành hình phạt chung.
 - Nếu hình phạt nặng nhất trong số các hình phạt đã tuyên là tù chung thân thì hình phạt chung là tù chung thân.
 - Nếu hình phạt nặng nhất trong số các hình phạt đã tuyên là tử hình thì hình phạt chung là tử hình.
 - Trục xuất và phạt tiền không tổng hợp với hình phạt khác. Các khoản tiền phạt được cộng lại thành hình phạt chung để chấp hành.

7.1.2. Quyết định hình phạt đối với người phạm tội (tiếp theo)

- Đối với hình phạt bổ sung:
 - Nếu các hình phạt đã tuyên là cùng loại thì hình phạt chung được quyết định trong giới hạn do Bộ luật Hình sự quy định đối với loại hình phạt đó. Đối với hình phạt tiền, các Khoản tiền phạt được cộng lại thành hình phạt chung.
 - Nếu các hình phạt đã tuyên là khác loại thì người bị kết án phải chấp hành tất cả các hình phạt đã tuyên.

7.1.2. Quyết định hình phạt đối với người phạm tội (tiếp theo)

Tổng hợp hình phạt của nhiều bản án (Điều 56 BLHS)

- Tổng hợp hình phạt của nhiều bản án trong 2 trường hợp:
 - Đang phải chấp hành một bản án mà lại bị xét xử về tội đã phạm trước khi có bản án đó, thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội đang bị xét xử, sau đó quyết định hình phạt chung. Hình phạt chung được xác định bằng cách tổng hợp hình phạt mới và hình phạt của bản án cũ rồi được quyết định theo quy định Điều 55 BLHS. Thời gian đã chấp hành của bản án trước được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt chung.
 - Đang phải chấp hành một bản án mà lại phạm tội mới, Tòa án quyết định hình phạt đối với tội mới, sau đó tổng hợp với phần hình phạt chưa chấp hành của bản án trước rồi quyết định hình phạt chung. Hình phạt chung được quyết định theo quy định tại Điều 55 BLHS.

7.1.2. Quyết định hình phạt đối với người phạm tội (tiếp theo)

- Tổng hợp hình phạt của nhiều bản án

Ví dụ 1: A bị tuyên phạt 15 năm tù về 1 tội, chấp hành được 2 năm lại bị đưa ra xét xử về tội mà A đã phạm trước khi có bản án 15 năm tù. Tội phạm này được Tòa án tuyên phạt 20 năm tù.

Tổng hợp hình phạt với A theo Khoản 1 Điều 56:

$$\underbrace{(20 N + 15 N)}_{30 N} - 2 N = 28 \text{ năm}$$

Ví dụ 2: A bị tuyên phạt 15 năm tù về 1 tội, chấp hành được 2 năm lại phạm tội mới và bị đưa ra xét xử, Tòa án tuyên phạt 20 năm tù.

Tổng hợp hình phạt với A theo Khoản 2 Điều 56:

$$20 N + \underbrace{(15 N - 2 N)}_{13 N} = 30 \text{ năm}$$

7.1.2. Quyết định hình phạt đối với người phạm tội (tiếp theo)

Quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt và trong đồng phạm:

- Quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt Điều 57 BLHS.
- Quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm Điều 58 BLHS.

Câu hỏi trắc nghiệm

Khẳng định sau đây đúng hay sai? Tại sao?

1. Khi quyết định hình phạt, Toà án có thể coi các tình tiết khác ngoài các tình tiết thuộc khoản 1 Điều 51 là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Đáp án đúng là: Đúng.

2. Khi quyết định hình phạt, Toà án có thể coi các tình tiết khác ngoài các tình tiết thuộc khoản 1 Điều 52 là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Đáp án đúng là: Sai.

7.1.3. Quyết định hình phạt đối với pháp nhân thương mại

- Căn cứ quyết định hình phạt: Điều 83 BLHS.
- Quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội: Điều 86 BLHS.
- Tổng hợp hình phạt của nhiều bản án: Điều 87 BLHS.

7.1.4. Miễn hình phạt

- Khái niệm miễn hình phạt: là không buộc người phạm tội hoặc pháp nhân thương mại phải chịu hình phạt về tội phạm mà người đó đã thực hiện.
- Điều kiện miễn hình phạt đối với người phạm tội: Điều 59 BLHS
 - Có ít nhất 2 tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 1 Điều 51 BLHS hoặc là người giúp sức có vai trò không đáng kể trong trường hợp phạm tội lần đầu.
 - Đáng được khoan hồng đặc biệt nhưng chưa đến mức được miễn trách nhiệm hình sự.
 - Điều kiện miễn hình phạt đối với pháp nhân thương mại: Điều 88 BLHS: Khi pháp nhân thương mại đã khắc phục toàn bộ hậu quả và đã bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra.

Câu hỏi trắc nghiệm

A bị tuyên phạt 5 năm tù về tội cố ý gây thương tích và 2 năm cải tạo không giam giữ về tội trộm cắp tài sản. Hình phạt tổng hợp của A trong trường hợp này là:

- A. 5 năm 8 tháng tù.
- B. 5 năm 6 tháng tù.
- C. 5 năm 3 tháng tù.
- D. 5 năm tù.

Đáp án đúng là: A. 5 năm 8 tháng tù.

7.2. Một số chế định liên quan đến chấp hành hình phạt

7.2.1

Thời hiệu thi hành bản án

7.2.2

Miễn chấp hành hình phạt

7.2.3

Giảm thời hạn chấp hành hình phạt

7.2.4

Chế định án treo trong Luật Hình sự Việt Nam

7.2.5

Tha tù trước thời hạn có điều kiện; hoãn, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù

7.2.1. Thời hiệu thi hành bản án

Khái niệm thời hiệu thi hành bản án:

- Là thời hạn do Luật Hình sự quy định bản án có hiệu lực thi hành. Nếu hết thời hạn đó mà bản án chưa được thi hành thì không buộc người bị kết án phải thi hành bản án nữa.
- Không áp dụng thời hiệu thi hành bản án với các tội quy định tại Chương XIII và Chương XXIV, Khoản 3, 4 Điều 353, Khoản 4 Điều 354 BLHS.
- Điều 60 quy định cụ thể về thời hiệu thi hành bản án:
 - 5 năm với án phạt tiền, chung thân không giam giữ hoặc tù từ 3 năm trở xuống;
 - 10 năm với án phạt tù trên 3 năm đến 15 năm;
 - 15 năm với án phạt tù từ trên 15 năm đến 30 năm;
 - 20 năm với trường hợp xử phạt tù chung thân hoặc tử hình;
 - Thời hiệu thi hành bản án hình sự với pháp nhân thương mại là 5 năm.

7.2.1. Thời hiệu thi hành bản án (tiếp theo)

- Điều kiện áp dụng thời hiệu thi hành bản án:
 - Đã qua những thời hạn được quy định trong BLHS tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.
 - Trong những thời hạn nói trên, người bị kết án không phạm tội mới, pháp nhân thương mại không phải chịu TNHS về tội phạm mới. Nếu không, thời hiệu được tính lại kể từ ngày phạm tội mới.
 - Trong những thời hạn đó, người bị kết án không cố tình trốn tránh và không có lệnh truy nã.

7.2.2. Miễn chấp hành hình phạt

- Miễn chấp hành hình phạt là không buộc người bị kết án phải chấp hành toàn bộ hoặc phần còn lại của hình phạt đã tuyên.
- Chế định miễn chấp hành hình phạt tại Điều 62 BLHS quy định điều kiện được miễn hoặc có thể được miễn chấp hành hình phạt, miễn chấp hành toàn bộ hình phạt hoặc miễn chấp hành phần còn lại của hình phạt đã tuyên.

7.2.3. Giảm thời hạn chấp hành hình phạt

- Là rút ngắn một phần thời hạn chấp hành những hình phạt mà mức độ đo được bằng thời gian.
- Căn cứ pháp lí: Điều 63, Điều 64 BLHS.
- Điều kiện chung:
 - Điều kiện về thời gian thực tế chấp hành hình phạt: Đã chấp hành hình phạt được một thời gian nhất định;
 - Điều kiện về sự tiến bộ của người bị kết án: Đã có nhiều tiến bộ thể hiện sự quyết tâm cải tạo;
 - Điều kiện đã bồi thường được một phần nghĩa vụ dân sự.
 - Điều kiện về hình thức: Phải có sự đề nghị của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền.
 - Người bị phạt tù chung thân lần đầu được xét giảm xuống 30 năm tù và dù được giảm nhiều lần cũng phải bảo đảm thời gian đã thực sự chấp hành hình phạt là 20 năm.

7.2.4. Chế định án treo trong Luật Hình sự Việt Nam

- Khái niệm: Án treo là biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện.
- Điều kiện:
 - Bị xử phạt tù không quá 3 năm;
 - Có nhân thân tốt;
 - Có nhiều tình tiết giảm nhẹ;
 - Thuộc trường hợp không cần thiết phải bắt chấp hành hình phạt tù.
- Thời gian thử thách:
 - Trong khoảng từ 1-5 năm;
 - Không được ít hơn mức phạt tù đã tuyên;
 - Thời gian thử thách không thể cho miễn nhưng có thể được rút ngắn theo quy định của pháp luật.
- Áp dụng hình phạt bổ sung: Theo khoản 3 Điều 65.

7.2.4. Chế định án treo trong luật hình sự Việt Nam (tiếp theo)

- Trách nhiệm giám sát, giáo dục người được hưởng án treo được giao cho:
 - Cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc;
 - Chính quyền địa phương nơi người đó thường trú;
 - Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương.
- Điều kiện thử thách của án treo:
 - Người được hưởng án treo phải thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Điều 64 Luật thi hành án hình sự.
 - Người được hưởng án treo không được phạm tội mới trong thời gian thử thách.
- Hậu quả pháp lí của việc vi phạm điều kiện thử thách: Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo đã:
 - Cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo.
 - Phạm tội mới: Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Điều 56.

7.2.5. Tha tù trước thời hạn có điều kiện; hoãn, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù

Tha tù trước thời hạn có điều kiện

Là biện pháp miễn chấp hành có điều kiện thời hạn còn lại của hình phạt đã tuyên

Căn cứ pháp lí:
Điều 66 BLHS

Hoãn chấp hành hình phạt tù

Là chuyển việc thi hành hình phạt tù sang thời điểm muộn hơn

Căn cứ pháp lí:
Điều 67 BLHS

Tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù

Là tạm ngừng việc đang chấp hành hình phạt tù trong khoảng thời gian nhất định

Căn cứ pháp lí:
Điều 68 BLHS

7.3. Xóa án tích

7.3.1

Khái niệm xóa án tích ý nghĩa của chế định xóa án tích

7.3.2

Các trường hợp xóa án tích

7.3.3

Cách tính thời hạn xóa án tích

7.3.1. Khái niệm xóa án tích và ý nghĩa của chế định xóa án tích

- Khái niệm xóa án tích: Xóa án tích là xóa bỏ việc mang án tích, là sự công nhận coi như chưa bị kết án đối với người trước đó đã bị Tòa án xét xử, kết tội.
- Ý nghĩa của chế định xóa án tích là một chế định nhân đạo của Luật Hình sự vì:
 - Khuyến khích người bị kết án chấp hành nghiêm chỉnh bản án và cải tạo tốt để trở thành công dân có ích cho xã hội.
 - Án đã được xóa không được dùng làm căn cứ để xác định tái phạm, tái phạm nguy hiểm.



7.3.2. Các trường hợp xóa án tích

Đương nhiên xóa án tích (Điều 70 và Điều 89 BLHS):

- Đương nhiên được xóa án tích là trường hợp xóa án tích mà không cần có sự xem xét và quyết định của Tòa án.
- Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lí lịch tư pháp có trách nhiệm cấp phiếu lí lịch tư pháp xác nhận không có án tích khi người được xóa án yêu cầu.
- Các trường hợp đương nhiên được xóa án tích:
 - Đối với cá nhân: Quy định tại Điều 70 BLHS;
 - Đối với pháp nhân thương mại: Quy định tại Điều 89 BLHS.

7.3.2. Các trường hợp xóa án tích (tiếp theo)

- Xóa án tích theo quyết định của Tòa án (Điều 71 BLHS).
 - Là trường hợp xóa án tích trên cơ sở quyết định của Tòa án.
 - Tòa án chỉ quyết định xóa án tích đối với người đã bị kết án về các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh quy định tại Chương XIII và Chương XXIV của BLHS.
 - Điều kiện cụ thể: Điều 71 BLHS.
 - Xóa án tích trong trường hợp đặc biệt (Điều 72 BLHS): là trường hợp người bị kết án có những biểu hiện tiến bộ rõ rệt và đã lập công, được cơ quan, tổ chức nơi người đó công tác hoặc chính quyền địa phương nơi người đó thường trú đề nghị thì có thể được Tòa án xóa án tích, nếu người đó đã bảo đảm được ít nhất 1/3 thời hạn quy định tại Khoản 2 Điều 70 và Khoản 2 Điều 71 BLHS.

7.3.3. Cách tính thời hạn xóa án tích

- Thời hạn để xóa án tích quy định tại Điều 70 và Điều 71 BLHS được căn cứ vào hình phạt chính đã tuyên.
- Nếu chưa được xóa án tích mà phạm tội mới, thì thời hạn để xóa án tích cũ tính từ ngày chấp hành xong bản án mới hoặc kể từ ngày bản án mới hết thời hiệu thi hành.
- Người bị kết án trong trường hợp phạm nhiều tội mà có tội thuộc trường hợp đương nhiên được xóa án tích, có tội thuộc trường hợp xóa án tích theo quyết định của Tòa án thì căn cứ vào thời hạn quy định tại Điều 71 để quyết định việc xóa án tích.
- Người được miễn chấp hành phần hình phạt còn lại cũng được coi như đã chấp hành xong hình phạt.

Tổng kết bài học

Những nội dung cần ghi nhớ

- Bốn căn cứ quyết định hình phạt.
- Năm trường hợp quyết định hình phạt đặc biệt.
- Khái niệm, điều kiện xét cho hưởng án treo và điều kiện của án treo.